

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. P
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2019/HNGĐ- ST

Ngày: 02/7/2019

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ninh Thị Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh Trâm - Ông Trần Hoàng Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liên- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố P xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 49/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2019/QĐST- HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Tô L., sinh năm: 1985 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị M, sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Cùng trú: khu phố K, phường H, thành phố P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Tô L. và bà Lê Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 1x ngày 17/5/2011 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P.

Nguyên đơn- ông Tô L. - trình bày:

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng do vợ ông chơi cờ bạc, ông phải đứng ra trả nợ thay nhiều lần và vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ông đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, ông đã nhờ gia đình hai bên khuyên nhủ nhiều lần nhưng không được. Vì vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Ông và bà M có 2 con chung: Tô Q, sinh ngày 06/12/2011 và Tô Tr, sinh ngày 15/4/2017. Ông đồng ý giao con cho vợ nuôi và ông sẽ cấp dưỡng nuôi 2 con 2.000.000 đồng/ tháng/ 2 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Về tài sản chung và nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn- Lê Thị M- trình bày tại Bản tường trình viết ngày 23/4/2019:

Chồng bà tên Tô L., sinh năm: 1985, các con tên Tô Q, và Tô Tr. Ông L đã ngoại tình trong quá trình chung sống, nay Ông L làm đơn ly hôn bà sẽ chấp nhận với điều kiện chồng bà đồng ý như sau:

- Bà sẽ được nuôi 02 con.

- Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 con mỗi tháng 2 triệu đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Tô L. và bà Lê Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 1x ngày 17/5/2011 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P. Đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa sơ thẩm, Ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Riêng bà M vắng mặt, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà hoàn toàn hợp lệ.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Ông L và bà M đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn: Ông L cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ ông chơi cờ bạc phá tán tài sản gia đình, còn

bà M cho rằng Ông L ngoại tình trong quá trình chung sống. Ông L trình bày vợ chồng đã ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai, bà M chỉ gửi bản tường trình về Tòa án chứ không tham gia tố tụng. Trong bản tường trình bà cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy căn cứ vào điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hùng.

[3] Về quan hệ con chung: Các bên đương sự đều thỏa thuận được, phù hợp với mong muốn của cháu Tô Q, nên Hội đồng xét xử công nhận: Bà M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con tên là Tô Q, sinh ngày 06/12/2011 và Tô Tr, sinh ngày 15/4/2017. Ông L tại phiên tòa chấp nhận cấp dưỡng nuôi hai con 3.000.000 đồng/ tháng (mỗi con 1.500.000 đồng/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà M không trình bày về vấn đề này và không tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, “trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu”, do đó Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng và chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 4 điều 147, điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 56, điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Tô L. được ly hôn bà Lê Thị M.

Về quan hệ con chung:

Bà Lê Thị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con tên là Tô Q, sinh ngày 06/12/2011 và Tô Tr, sinh ngày 15/4/2017. Ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi con 3.000.000 đồng/ tháng/ 02 con (mỗi con 1.500.000 đồng/ tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền. Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ Luật Dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ai lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của họ.

Về án phí:

Ông Tô L. phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0018193 ngày 21 tháng 01 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P. Ông L còn phải nộp 300.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND phường H;
- Chi cục THADS TPPRTC;
- VKSND TP.PRTC;
- Lưu HS+ án.

(GCNKH số 1x ngày 17/5/2011)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ninh Thị Kiều Hạnh

